

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố

định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước; Công văn số 623/BNV-VP ngày 20/02/2023 và Công văn số 639/BNV-VP ngày 21/02/2023 về việc đánh giá phần mềm, cơ sở dữ liệu và khả năng tích hợp, đồng bộ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức với Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành khung kiến trúc Chính phủ Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới chính phủ số;

Căn cứ công văn số 2325/BNV-VP ngày 26/04/2024 của Bộ Nội Vụ về việc hướng dẫn một số yêu cầu chức năng cơ bản của hệ thống quản lý CBCCCVC trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phân bổ và giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 30/09/2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ và quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 84/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 84 /QĐ-SNV ngày 18/06/2024 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức Ninh Thuận”;

Căn cứ Công văn 1739/UBND-VXNV ngày 22/04/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương đầu tư và triển khai thực hiện dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ công văn số 5286/UBND-VXNV ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai các quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Theo ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3282/STTTT-CN ngày 25/10/2024 về việc ý kiến dự án “Mua sắm Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận” và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4765/STC-NS ngày 08/11/2024 về việc thẩm định dự toán dự án “Mua sắm phần mềm quản lý CBCCCVC của tỉnh Ninh Thuận”;

Theo Tờ trình số 19/TTr-VNTC ngày 14/11/2024 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo Công nghệ Việt Nam (Đơn vị Tư vấn Quản lý Dự án) về việc phê

duyet Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Văn thư, Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Mua sắm Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”, như sau:

1. Tên dự án: Mua sắm phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận.

2. Chủ đầu tư: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận.

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

Công ty TNHH Điện, Điện tử Viễn Thông Nguyễn Lâm (*Địa chỉ: Số 236/16, đường Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận*).

4. Mục tiêu đầu tư

- Triển khai Phần mềm quản lý hồ cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nâng cao ý thức và trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số theo chủ trương chung của chính phủ và của tỉnh, tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ; đẩy mạnh cải cách hành chính theo đúng quan điểm chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trên phần mềm điện tử giúp cho cơ quan chức năng tham mưu tốt hơn, kịp thời hơn trong việc thực thi các chính sách, hoạch định, quy hoạch nguồn nhân lực của tỉnh nói chung và các cơ quan, đơn vị nói riêng cũng như việc thực hiện đảm bảo, chính xác, kịp thời các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Quy mô đầu tư:

Mua sắm phần mềm Quản lý cán bộ, công chức viên chức, triển khai tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

6. Địa điểm thực hiện:

- Các Sở, Ban, Ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các tổ chức Hội đặc thù tỉnh, UBND các huyện/thành phố.

- Triển khai cài đặt phần mềm hệ thống tại hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh.

7. Tổng dự toán: 3.510.448.890 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm mười triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi đồng*)

Trong đó:

- Chi phí thiết bị : 3.310.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 75.614.170 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư : 74.259.320 đồng
- Chi phí khác : 37.685.499 đồng
- Chi phí dự phòng : 12.889.901 đồng

(Kèm theo bảng tổng hợp dự toán chi tiết)

8. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước (theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024).

9. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

Điều 2: Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định của Nhà nước về công tác quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT.

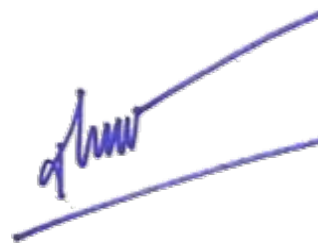
- Giao Phòng Hành Chính, Văn thư - Lưu trữ phối hợp với Đơn vị Tư vấn Quản lý Dự án tham mưu tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Trưởng phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở, Tư vấn Quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở Nội Vụ;
- Trang thông tin điện tử SNV;
- Lưu VT, HCVTLT.

GIÁM ĐỐC

Trần Hải

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN MUA SẮM PHẦN MỀM QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- SNV ngày /11/2024 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I	Chi phí xây lắp					0	0	Gxl	
II	Chi phí trang thiết bị và lắp đặt thiết bị				3.310.000.000		3.310.000.000	Gtb	
1	Chi phí Mua sắm Phần mềm Quản lý CBCCVC				3.310.000.000		3.310.000.000	Gpmtm	<i>Phần mềm thương mại lấy báo giá thị trường</i>
III	Chi phí quản lý dự án				70.013.120	5.601.050	75.614.170	Gqlda	<i>Bảng 1, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT</i>
1	Phần mềm Quản lý CBCCVC	2.644%	80%	(Gxl+Gtb) trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	70.013.120	5.601.050	75.614.170		
IV	Chi phí tư vấn đầu tư dự án				Gtv1+Gtv2+Gtv3	5.500.690	74.259.320	Gtv	
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	0.992%	1.65	(Gxl+Gtb) trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	54.178.080	4.334.246	58.512.326	Gtv1	<i>Bảng 2, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT</i>
2	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT			Gtv2.1+Gtv2.2+Gtv2.3	5.213.250	417.060	5.630.310	Gtv2	<i>Mục 4.1.5, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT</i>
2.1	<i>Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi</i>	<i>0.105%</i>	<i>40%</i>	<i>(Gxl+Gtb) trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)</i>	<i>1.390.200</i>	<i>111.216</i>	<i>1.501.416</i>	<i>Gtv2.1</i>	<i>Bảng 4, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT</i>

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
2.2	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	0.087%	70%	$(G_{xl}+G_{tb})$ trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	2.015.790	161.263	2.177.053	Gtv2.2	Bảng 5, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
2.3	Chi phí thẩm tra dự toán	0.078%	70%	$(G_{xl}+G_{tb})$ trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	1.807.260	144.581	1.951.841	Gtv2.3	Bảng 6, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu Phần mềm Quản lý CBCCVC			Gtv3.1+Gtv3.2	9.367.300	749.384	10.116.684	Gtv3	Bảng 8, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
3.1	Lập hồ sơ mời thầu	0.283%	40%	$(G_{xl}+G_{tb})$ trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	3.746.920	299.754	4.046.674	Gtv3.1	
3.2	Phân tích đánh giá hồ sơ mời thầu	0.283%	60%	$(G_{xl}+G_{tb})$ trước thuế x (tỷ lệ x hệ số)	5.620.380	449.630	6.070.010	Gtv3.2	
V	Chi phí khác				37.285.499	400.000	37.685.499	Gk	
1	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói mua sắm Phần mềm Quản lý CBCCVC				5.000.000	400.000	5.400.000	Gtd	
1.1	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu	0.1%		x $(G_{xd}+G_{tb})$ trước thuế $\geq 2.000.000$ VND	2.000.000	160.000	2.160.000		Theo điểm d khoản 4 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0.1%		$x (G_{xd} + G_{tb})$ trước thuế $\geq 3.000.000$ VND	3.000.000	240.000	3.240.000		Theo khoản 6 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
2	Chi phí thẩm định giá				32.285.499		32.285.499		Theo báo giá thị trường
VI	Chi phí dự phòng				12.889.901		12.889.901	Gdp	
	Tổng cộng: (I+II+III+IV+V+VI)			$G_{xl} + G_{tb} + G_{qlda} + G_{tv} + G_k + G_{dp}$	3.498.947.150	11.501.740	3.510.448.890	Gxdct	